

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2024

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh

2. Ông Hồ Văn Thái

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 64, ấp AT, xã PH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp VT, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Hồ Thanh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thanh Tân, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/02/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 09/2022 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Hồ Thanh L thống nhất với lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng ông sống ly thân với nhau từ tháng 09/2022 cho đến nay. Nay bà N làm đơn xin ly hôn ông cũng đồng ý xin ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, ông đồng ý cho bà N được trực tiếp nuôi con chung, ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: ông và bà N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông L khai không có nợ chung. Đồng thời, ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N; về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/3/2016; Sau khi ly hôn, bà N là người trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận; Về nợ chung: không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã Khánh Thạnh Tân, huyện MCB, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Hồ Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông L là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Thanh L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thạnh Tân, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/02/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông L và bà N đã ly thân với nhau từ tháng 09/2022 cho đến nay. Nay bà N xác định không còn tình cảm với chồng nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L, ông L cũng thống nhất với ý kiến bà N và đồng ý thuận tình ly hôn. Bà N và ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện MCB cho biết bà N và ông L kết hôn với nhau năm 2016 nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 09/2022 cho đến nay vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N có đơn xin ly hôn, ông L đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông L và bà N.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà N và ông L có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn, bà N và ông L thỏa thuận bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Hồ Nguyễn Đăng K, phù hợp với nguyện vọng của cháu K muốn sống cùng với bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: bà N và ông L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà N và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Hồ Thanh L.
 - Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Hồ Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/3/2016. Ghi nhận bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Hồ Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung.
- Ông Hồ Thanh L được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Thanh L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Thanh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005391 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã KTT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Thanh Chánh

Hồ Văn Thái

Nguyễn Thị Đoan Trang

